TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 01 - 2025
V/v: *"Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Cao Thế và ông Nguyễn Xuân Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuý Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình;

Ngày 16 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 95/2024/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2024/QĐXXST-DS ngày 18/12/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1979;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ liên hệ: Cổng C3 – Dự án V, đường T, Đ, Hà Nội, có mặt.

Bị đơn: Ông Phạm Văn L, sinh năm 1974;

Nơi đăng ký thường trú: Thôn P, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn L tìm hiểu và kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vào ngày 29/01/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung tại thôn P, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vợ chồng sống hạnh phúc được 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L thường xuyên giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực, đã từng đánh vợ, đập phá tài sản trong nhà nhiều lần. Do không chấp nhận được cuộc sống thường xuyên như vậy nên ông, bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2024 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Hiện nay, bà T thấy vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về quan hệ con chung: Bà Lê Thị T trình bày vợ chồng có ba con chung là Phạm Ngọc T1, sinh ngày 16/10/2000, Phạm Ngọc H, sinh ngày 22/02/2003 và Phạm Khả Á, sinh ngày 26/7/2019. Hiện nay, cháu Phạm Ngọc T1, Phạm Ngọc H đã trưởng thành muốn ở với ai thì tùy hai cháu quyết định. Sau khi ly hôn bà T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Khả Á, sinh ngày 26/7/2019 và không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị T khai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 28/10/2024 và tại phiên toà bị đơn ông Phạm Văn L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn ông L khai thống nhất như bà T khai. Tuy nhiên về mâu thuẫn cuộc sống vợ chồng, ông L cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn trong cuộc sống là bình thường và chưa có gì nghiêm trọng. Ông Lưu K đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông L khai có 03 con chung thống nhất như bà T khai. Trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì ông L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Khả Á, sinh ngày 26/7/2019, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại phiên toà, ông L đồng ý giao cháu Phạm Khả Á cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Lưu K phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lưu thống N vợ chồng tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Tố tung:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Bà Lê Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung của vợ chồng; bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã V, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sựCăn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

[1.2] Trong quá trình giải quyết vụ án: Ông L, bà T đều có mặt tại Tòa án viết bản tự khai nêu ý kiến của mình và cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, Tòa án không tự điều tra, xác minh thu thập tài liệu chứng cứ. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn đều có mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn L kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 29/01/1999 tại UBND xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Bà T khai cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn đã trầm trọng, ông L thường đánh đập bà T, nay bà không còn tình cảm để chung sống cùng ông L. Ông L cho rằng cuộc sống vợ chồng mâu thuẫn là bình thường và chưa có gì nghiêm trọng nên ông không muốn ly hôn để cùng nhau nuôi dạy con cái. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần tổ chức hòa giải và tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã phân tích cố gắng hòa giải để vợ chồng đoàn tụ xây dựng gia đình, cùng nhau chăm sóc con, tuy nhiên các bên không hàn gắn được tình cảm. Bà T nhất quyết xin được ly hôn với ông L. Tại phiên tòa, bà T cung cấp một số bản hình ảnh về việc anh L đập phá tài sản và hình ảnh vết thương, ông L thừa nhận người trong bản ảnh là mình có đập phá xe máy và điện thoại, đối với hình ảnh vết thương mà bà T cung cấp, ông Lưu K thửa nhận do mình gây ra cho bà T.

Hội đồng xét nhận thấy: Ông L, bà T thừa nhận từ năm 2003 bà T đã từng làm đơn xin ly hôn nhưng sau đó rút đơn để tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc. Từ đó đến nay, cũng một thời gian dài để hai bên suy xét, nhìn nhận lại tình cảm, nhưng vẫn không tự giải quyết được mâu thuẫn, từ tháng 9/2024 đến nay vợ chồng đã ly thân. Cuộc sống hôn nhân giữa bà T và ông Lưu K hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm không còn khả năng hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, xử cho bà T được ly hôn ông L để các bên ổn định cuộc sống riêng.

2.2 Về con chung: Bà Lê Thị T và ông Phạm Văn L thống nhất khai vợ chồng có 03 con chung. Đối với các con Phạm Ngọc T1, sinh ngày 16/10/2000, Phạm Ngọc H, sinh ngày 22/02/2003 đều đủ tuổi thành niên nên cho con có quyền tự lựa chọn, không yêu cầu Tòa án gải quyết.

Đối với cháu Phạm Khả Á, sinh ngày 26/7/2019, tại phiên tòa các bên tự thỏa thuận thống nhất giao con Phạm Khả Á cho bà T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy việc thoả thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện và việc thỏa thuận này không trái đạo đức, pháp luật, phù hợp với điều kiện hoàn cảnh của các bên và Luật Hôn nhân gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giao cháu Phạm Khả Á cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

2.3 Về tài sản chung: Bà T và ông Lưu K yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 246 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lê Thị T được ly hôn ông Phạm Văn L.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của bà Lê Thị T và ông Phạm Văn L: Giao cho bà Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con tên là Phạm Khả Á, sinh ngày 26/7/2019, kể từ tháng 01/2025 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng bà T đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện Quảng Ninh theo biên lai số 0003963 ngày 21 tháng 10 năm 2024. Bà T đã nộp đủ.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị T, ông Phạm Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- UBND xã Hiền Ninh, h. Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Nam